

Số: **179** /QĐ-CVHHĐN

Đồng Nai, ngày **01** tháng **7** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý
của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai**

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BXD ngày 08/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 282/TCCB-LĐ ngày 29/5/1996 của Cục trưởng Cục hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) về việc thành lập Cảng vụ Đồng Nai (nay là Cảng vụ hàng hải Đồng Nai);

Căn cứ Văn bản số 4525/CHHĐTVN-PC ngày 30/6/2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 35/QĐ-CVHHĐN ngày 20/4/2018 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai về việc ban hành Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Các phòng, đại diện thuộc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *12*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/cáo);
- UBND Thành phố Đồng Nai;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- BCH Bộ đội Biên phòng thành phố Đồng Nai;
- BCH Bộ đội Biên phòng Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Hải quan khu vực XVIII, khu vực II;
- Công an Thành phố Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các sở, ban ngành thuộc UBND Thành phố Đồng Nai;
- Các sở, ban ngành thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Các Doanh nghiệp khai thác cảng biển;
- Các Doanh nghiệp khai thác cảng, bến thủy nội địa;
- Các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu, lai dắt;
- Các Doanh nghiệp đại lý, dịch vụ hàng hải và đường thủy;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải đường thủy;
- Các Chủ tàu, Thuyền trưởng hoạt động trong khu vực;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, QLKCHT.

GIÁM ĐỐC



Lưu Việt Hùng



NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số **179/QĐ-CVHHĐN**
ngày **01/7**/2026 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nội quy cảng biển này quy định về hoạt động hàng hải và đường thủy tại vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Đồng Nai và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai được Bộ Xây dựng công bố tại Thông tư số 02/2026/TT-BXD ngày 08/01/2026 (sau đây viết tắt là Cảng biển Đồng Nai).

(Thông tư công bố vùng nước cảng biển, hải đồ vùng nước, bản vẽ giới hạn phạm vi vùng nước thuộc quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai và các thông tin liên quan nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Nội quy cảng biển này).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai.

2. Các quy định về an toàn, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng cá, cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước Cảng biển Đồng Nai.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải, đường thủy tại Cảng biển Đồng Nai là Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Cảng vụ hàng hải) có trụ sở và các đại diện như sau:

a) Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

- Địa chỉ: Quốc lộ 51, phường Long Hưng, thành phố Đồng Nai;

- Điện thoại: 02513.832.134; Fax: 02513.832.135;

- Điện thoại trực ban: 0909.639.646;

- Email: cangvudongnai@gmail.com hoặc psdongnai@gmail.com;

- Website: <https://cangvuhanghaidongnai.gov.vn>.

b) Đại diện Phước Thái

- Địa chỉ: Quốc lộ 51, xã Phước Thái, thành phố Đồng Nai;
- Điện thoại trực ban: 0918.148.375;
- Email: daidienphuocthai@gmail.com.

c) Đại diện Nhơn Trạch

- Địa chỉ: Ấp 2, xã Đại Phước, thành phố Đồng Nai;
- Điện thoại trực ban: 0932.170.836;
- Email: daidiennhontrachcvdn@gmail.com.

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại Cảng biển Đồng Nai nêu tại Phụ lục 3 kèm theo Nội quy này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Thông tin liên lạc tại cảng biển

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Phương thức liên lạc

a) Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền liên lạc với Cảng vụ hàng hải, các cơ quan quản lý chuyên ngành tại Cảng biển Đồng Nai qua địa chỉ, điện thoại, fax, hộp thư điện tử quy định tại Điều 3 của Nội quy này hoặc bằng hình thức phù hợp khác.

b) Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

- Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài khi đến, lưu lại và rời Cảng biển Đồng Nai phải duy trì liên lạc với Cảng vụ hàng hải trên các kênh VHF được chỉ định; trường hợp không được chỉ định, phải duy trì sự liên lạc trên kênh trực canh - kênh 16. Riêng kênh 13 và các kênh được chỉ định khác là các kênh làm việc.

- Tên tàu thuyền hoặc tên tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc với nhau.

- Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng tới hoạt động của Cảng vụ hàng hải trên kênh 13.

- Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân, tàu thuyền thực hiện các cuộc gọi bình thường trên kênh 16 trong thời gian có tín hiệu cấp cứu hoặc thông tin khẩn cấp phát trên kênh này.

c) Tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ hàng hải qua các đài thông tin duyên hải.

d) Ngôn ngữ sử dụng khi liên lạc VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

2. Thông tin liên lạc với Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (sau đây gọi tắt là hệ thống VTS).

Tàu thuyền khi vào vùng nước cảng biển Đồng Nai và hoạt động tại các vùng của hệ thống VTS ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 63, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thì phải thực hiện việc thông báo với Trung tâm điều hành hệ thống VTS các nội dung cụ thể trong Quy chế hoạt động hệ thống VTS.

a) Vị trí, địa điểm, kênh liên lạc, nội dung thông báo thực hiện theo Quy chế hoạt động hệ thống VTS.

b) Các tàu trong khi thực hiện việc giao tiếp bằng VHF, tránh làm nhiễu hoặc sử dụng các kênh VHF mà hệ thống VTS đã quy định để liên lạc.

c) Các thay đổi hoặc bổ sung, mở rộng về vùng hoạt động, kênh làm việc của hệ thống VTS quy định tại Điều này thực hiện theo Quy chế hoạt động hệ thống VTS được ban hành.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN ĐỒNG NAI

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai

1. Tàu thuyền đến Cảng biển Đồng Nai phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 1 Chương IV, của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tất cả các loại tàu thuyền chỉ được phép hoạt động tại các bến cảng, cầu cảng, cảng, bến thủy nội địa đã được cơ quan có thẩm quyền công bố đưa vào sử dụng và phù hợp với công năng khai thác.

3. Các tàu thuyền khi hành trình qua cầu Long Thành, cầu Nhơn Trạch để vào, rời các bến cảng trên sông Đồng Nai phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không và khổ thông thuyền phù hợp, bảo đảm an toàn hàng hải theo giới hạn tĩnh không là 30 mét và bề rộng khoang thông thuyền là 110 mét (chiều rộng thiết kế luồng là 60 mét).

4. Các tàu thuyền khi hành trình qua cầu Phước An và đường dây điện cao thế trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải để vào, rời các bến cảng khu vực thượng lưu sông Thị Vải phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không phù hợp, bảo đảm

an toàn hàng hải theo giới hạn tĩnh không đã được thông báo là 55 mét và bề rộng khoang thông thuyền là 225 mét (chiều rộng thiết kế luồng là 135 mét).

5. Các tàu thuyền khi hành trình qua cầu Phước Khánh và đường dây điện cao thế trên luồng hàng hải sông Lòng Tàu, sông Soài Rạp để vào, rời các bến cảng thuộc khu vực Nhơn Trạch phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không phù hợp, bảo đảm an toàn hàng hải theo giới hạn tĩnh không đã được thông báo là 55 mét và bề rộng khoang thông thuyền là 242 mét.

Trường hợp khi các cầu ngang sông hoặc công trình khác được đưa vào sử dụng sau khi Nội quy này có hiệu lực, các tàu thuyền phải điều chỉnh chiều cao tĩnh không, khổ thông thuyền và các thông số khác sao cho phù hợp, bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định.

6. Tàu thuyền khi hành trình trong vùng nước cảng biển khuyến cáo giữ độ sâu dự phòng dưới đáy tàu (UKC): $\geq 7\%$ mớn nước lớn nhất thực tế đối với tàu thuyền hành trình ban ngày và $\geq 10\%$ mớn nước lớn nhất thực tế đối với tàu thuyền hành trình ban đêm. Riêng tàu thuyền hành trình qua đoạn Cù lao Ba Xang và Cù lao Ba Xê (khu vực hiện có bãi đá ngầm) trên tuyến luồng hàng hải Đồng Nai phải đảm bảo đáp ứng điều kiện về $UKC \geq 10\%$ mớn nước lớn nhất thực tế của tàu thuyền.

7. Khu neo đậu, tránh bão cho tàu thuyền vào Cảng biển Đồng Nai là các khu vực được quy định cụ thể như sau:

a) Khu neo Nhà Bè

Có 4 vị trí neo: NB-14, NB-15, NB-16, NB-17.

b) Khu neo đậu tàu trên sông Thị Vải

Đoạn từ khu vực ngã ba sông Quán Chim - sông Thị Vải (phao báo hiệu hàng hải “70”) kéo dài về phía thượng lưu sông Thị Vải đến khu vực cách hạ lưu cầu đường bộ Thị Vải 300m.

c) Khu neo đậu tàu trên sông Đồng Nai

Có 8 điểm neo nằm bên phải luồng hàng hải Đồng Nai đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “37” đến phao báo hiệu hàng hải số “39”: V1, V2, V3, V4, V5, V6, V7, V8.

d) Ngoài khu neo đậu nằm trong vùng nước cảng biển Đồng Nai thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải Đồng Nai, tàu thuyền vào, rời Cảng biển Đồng Nai được bố trí neo đậu tại Khu neo Vững Tàu được quy định tại Nội quy Cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

8. Ngoài quy định trên, tất cả các loại tàu thuyền không phân biệt quốc tịch, trọng tải và mục đích sử dụng chỉ được phép vào/rời Cảng biển Đồng Nai thuộc quyền quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai khi chiều dài, mớn nước,

trọng tải phù hợp với điều kiện cho phép của luồng, cầu cảng, khu neo đậu đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định.

9. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong Vùng nước cảng biển Đồng Nai và luồng hàng hải theo quy định tại Điều 62, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).

10. Phương tiện thủy nội địa, tàu cá được điều động, neo đậu tại các vị trí theo chỉ định của Cảng vụ hàng hải.

11. Tàu biển nước ngoài, tàu thuyền Việt Nam được trang bị thiết bị tự động nhận dạng (AIS) loại A, trước khi đến, rời cảng biển Đồng Nai phải cập nhật thông tin hành trình, tên bến cảng hoặc mã cảng hoặc khu neo trên AIS.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời Cảng biển Đồng Nai; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB) đến, rời Cảng biển Đồng Nai thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP hoặc quy định liên quan về thủ tục điện tử cho tàu thuyền.

2. Việc thông báo, xác báo thông tin điều động tàu thuyền theo yêu cầu sau:

a) Tàu thuyền hành trình qua vùng nước cảng biển Đồng Nai nhưng không dừng lại, thuyền trưởng phải thông báo và chấp hành chỉ dẫn của Trung tâm VTS.

b) Tàu biển trước khi vào, rời cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển Đồng Nai, thuyền trưởng hoặc người làm thủ tục phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải.

c) Thuyền trưởng phải xác báo thông tin điều động cho Trung tâm VTS trước khi bắt đầu và ngay sau khi kết thúc điều động.

d) Thuyền trưởng tàu thuyền có hoa tiêu dẫn tàu có thể ủy quyền cho hoa tiêu thực hiện trách nhiệm thông báo, xác báo thông tin.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh đến, rời Cảng biển Đồng Nai

1. Thủ tục tàu thuyền đến, rời Cảng biển Đồng Nai và tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia qua sông Tiền thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 4, Mục 5 của Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa

đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và Điều 43 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP) và Mục 2 Chương II của Thông tư số 20/2026/TT-BXD.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu vào, rời Cảng biển Đồng Nai đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Điều 6, Thông tư 20/2016/TT-BXD.

3. Việc thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2023/NĐ-CP, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục điện tử.

4. Địa điểm làm thủ tục:

a) Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai: Tiếp nhận và giải quyết thủ tục đối với tất cả loại tàu thuyền kể cả các tàu thuyền quy định tại điểm b, điểm c của khoản này khi có yêu cầu làm thủ tục tại trụ sở.

b) Đại diện Phước Thái: Tiếp nhận và giải quyết thủ tục đối với tàu thuyền hoạt động tuyến nội địa vào, rời bến cảng trên sông Gò Gia, sông Thị Vải thuộc địa phận Thành phố Đồng Nai.

c) Đại diện Nhơn Trạch: Tiếp nhận và giải quyết thủ tục đối với tàu thuyền vào, rời Cảng biển Đồng Nai, cảng, bến thủy nội địa nằm trên sông Đồng Tranh, sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu, và các cảng, bến thủy nội địa khu vực phường Nhơn Trạch trên sông Đồng Nai thuộc địa phận Thành phố Đồng Nai.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại Cảng biển Đồng Nai

1. Trình tự, hồ sơ, thời gian thực hiện thủ tục đối với các hoạt động khác tại Cảng biển Đồng Nai được trích lục tại Phụ lục 4 đính kèm.

2. Địa điểm làm thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại Cảng biển Đồng Nai:

- Địa điểm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, xử lý các thủ tục hành chính khác tại Đại diện Phước Thái và Đại diện Nhơn Trạch được thực hiện theo Quyết định về chức năng quyền hạn của các đại diện.

- Trụ sở thực hiện tất cả các thủ tục trên.

Mục 3**HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN ĐỒNG NAI****Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải**

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải khi có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, nếu không thể thực hiện, Thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải và giải thích lý do để kịp thời xử lý.

3. Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được Cảng vụ hàng hải cập nhật tại Website: <https://cangvuhanghaidongnai.gov.vn>.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước Cảng biển Đồng Nai phải chấp hành đúng quy định của Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền ban hành theo Thông tư hướng dẫn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành, các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ Quy chế quản lý, điều phối hoạt động tàu thuyền trên Hệ thống phân luồng hàng hải tại Vịnh Gành Rái do Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Tàu thuyền khi hành trình cùng chiều không được đi gần nhau hoặc thành hàng ngang mà phải đi theo hàng một và luôn giữ khoảng cách an toàn đối với tàu thuyền đi trước, đi sau và các tàu thuyền khác.

3. Các tàu biển, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB hoạt động trong khu vực cụm cảng Gò Dầu và Bến cảng Phước An cần giữ liên lạc và điều chỉnh tốc độ nhằm bảo đảm việc nhường đường phương tiện đang cập, rời cầu cảng có đủ không gian và thời gian điều động, quay trở.

4. Các tàu thuyền khi hành trình trên luồng phải tuân thủ chỉ dẫn của báo hiệu hàng hải. Ngoài ra, khi nhận được các hướng dẫn hay cảnh báo an toàn từ Trung tâm điều hành hệ thống VTS, thì thực hiện theo các hướng dẫn, cảnh báo của Trung tâm điều hành hệ thống VTS.

5. Để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, thuyền trưởng của tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện các quy định sau:

a) Chấp hành chính xác, kịp thời lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải; trường hợp không thể thực hiện ngay thì phải thông báo Giám đốc Cảng vụ hàng hải để xử lý.

b) Khi hành trình trên luồng, tàu thuyền phải duy trì tốc độ an toàn nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: Khu Bến cảng Phước An, Khu Bến cảng Nhơn Trạch, luồng hẹp, khu quay trở, nơi đang có hoạt động ngầm dưới nước, thi công công trình, nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, xếp dỡ hàng hóa, neo đậu và điều động của tàu thuyền.

c) Nếu điều kiện thực tế cho phép và bảo đảm an toàn, phải bám sát mép bên phải của luồng. Nghiêm cấm tàu thuyền hành trình cắt ngang qua luồng hoặc cắt hướng gây trở ngại cho tàu thuyền khác đang hành trình trên luồng.

d) Tàu thuyền nhỏ nếu có thể hành trình an toàn ngoài luồng thì không được gây trở ngại đến hành trình của tàu thuyền lớn chỉ có thể hành trình an toàn trong phạm vi giới hạn của luồng.

đ) Không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, đường ống và công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông hay các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn, sự cố. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp nhằm bảo đảm an toàn của tàu mình và các tàu thuyền khác, đồng thời nhanh chóng đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn.

e) Khi hành trình qua các cầu trong khu vực:

- Cầu Phước An: Tàu thuyền hành trình có trọng tải trên 15.000 DWT chỉ hành trình một chiều. Cấm vượt nhau trong khoang thông thuyền và tại khúc cua thượng lưu của cầu Phước An.

- Cầu Long Thành, cầu Nhơn Trạch: cấm vượt nhau trong khoang thông thuyền.

6. Tốc độ và hành trình tàu thuyền trong Cảng biển Đồng Nai

Tàu thuyền hành trình trong Cảng biển Đồng Nai luôn duy trì tốc độ an toàn. Riêng đối với các tàu thuyền hành trình trên luồng hàng hải Đồng Tranh, sông Dừa, Sài Gòn - Vũng Tàu, Soài Rạp để vào, rời các bến cảng khu vực Nhơn Trạch và các tàu thuyền hành trình trên luồng Vũng Tàu - Thị Vải để vào/rời bến cảng Phước An phải tuân thủ theo quy định tại Nội quy Cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

7. Hạn chế tốc độ quy định tại khoản 6 Điều này không áp dụng đối với tàu công vụ, tàu quân sự, tàu cứu nạn đang thực thi công vụ.

8. Tàu thuyền phải giảm tốc độ, duy trì tốc độ an toàn và tăng cường cảnh giới khi hành trình ngang qua hay gần các khu vực dưới đây:

a) Khu vực ụ nổi, bến phà, bến khách ngang sông.

b) Khu vực đang có thợ lặn hoạt động, đang tiến hành nạo vét hay các hoạt động ngầm dưới nước, khu vực đang thi công công trình theo thông báo của Cảng vụ hàng hải.

c) Khu vực có tàu thuyền chèo tay.

d) Khu vực đang trực vớt tài sản chìm đắm.

đ) Các khu vực hạn chế khác theo Thông báo hàng hải của Cảng vụ.

9. Điều kiện áp dụng cho tàu thuyền hành trình đêm và các biện pháp hỗ trợ:

a) Yêu cầu đối với tàu thuyền hỗ trợ dẹp luồng: ca nô cao tốc có công suất tối thiểu 115HP, trang bị AIS, VHF hàng hải, cờ hiệu, đèn pha và loa.

b) Thời gian hành trình đêm được tính theo giờ thiên văn (*tính từ thời điểm mặt trời lặn đến thời điểm mặt trời mọc*).

c) Các trường hợp khác, tùy theo điều kiện thực tế, Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét quyết định theo thẩm quyền.

10. Trường hợp tàu thuyền không thể hành trình theo quy định tại Điều này do các yếu tố kỹ thuật (như mớn nước, tính năng điều động, điều kiện khí tượng, thủy văn,...), mật độ tàu thuyền lưu thông lớn hoặc vì lý do khẩn cấp để bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải xem xét, quyết định cho phép hành trình căn cứ đề xuất của thuyền trưởng và ý kiến của hoa tiêu dẫn tàu (trường hợp tàu có hoa tiêu).

Điều 11. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

Tàu thuyền neo đậu trong vùng neo thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải phải chấp hành theo quy định tại Điều 65, Điều 66, Điều 69 Mục 1, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP*).

1. Các khu neo đậu, tránh bão cho tàu thuyền vào Cảng biển Đồng Nai được quy định tại khoản 7 Điều 5 Nội quy này.

2. Tàu thuyền có nhu cầu neo đậu phải có “Thông báo kế hoạch neo đậu” được gửi trực tiếp hoặc qua hộp thư điện tử tới Cảng vụ hàng hải theo địa chỉ được nêu tại Điều 3 của Nội quy này chậm nhất 2 giờ trước khi tàu thuyền điều động vào vị trí neo đậu. Trong “Thông báo kế hoạch neo đậu” phải thể hiện được các thông số cơ bản như sau: tên tàu thuyền, quốc tịch, hô hiệu, dung tích, trọng tải toàn phần, chiều dài lớn nhất, mớn nước, lượng hàng hóa trên tàu, thời gian dự kiến (đến và rời khu neo), số điện thoại liên hệ, mục đích neo đậu, tên đại lý (*nếu có*).

3. Tàu thuyền phải neo đúng vị trí đã được chỉ định. Các phương tiện thủy nội địa, tàu thuyền cấp nhiên liệu hoặc các tàu thuyền nhỏ khác khi chưa được



chấp thuận của Cảng vụ hàng hải không được cập mạn tàu đang neo gây mất trật tự an toàn, an ninh hàng hải.

4. Thuyền trưởng phải có trách nhiệm xác báo thông tin cho Cảng vụ hàng hải ngay khi tàu thuyền đã neo đậu an toàn tại vị trí được chỉ định hoặc khi tàu rời vị trí neo để vào bến cảng làm hàng hoặc đi tới khu vực cảng khác.

5. Tàu thuyền có thể xin thay đổi vị trí neo đậu khác với vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định khi có lý do hợp lý và chỉ được điều động tới vị trí mới khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.

6. Tàu thuyền không được neo đậu trong phạm vi luồng hàng hải, tại các vị trí có thể gây mất an toàn: khu vực có bến phà, bến đò chở khách ngang sông, dưới các đường dây điện cao thế, dưới các cầu bắc ngang sông, các công trình ngầm dưới nước. Trường hợp bất khả kháng buộc phải thả neo khẩn cấp thì thuyền trưởng phải ngay lập tức báo cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS và Cảng vụ hàng hải biết vị trí của tàu mình, sau đó phải khẩn trương khắc phục sự cố để điều động tàu ra khỏi vị trí này.

7. Khi neo đậu trong Cảng biển Đồng Nai, trên tàu luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên của tàu thuyền với các chức danh phù hợp, trong đó phải có thuyền trưởng hoặc đại phó và máy trưởng hoặc máy hai để điều động tàu thuyền hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp. Đối với tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân: luôn duy trì ít nhất 01 thuyền viên để điều động hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp. Trường hợp chủ cảng, bến bố trí nhân lực canh giới, sẵn sàng điều động, bảo đảm an toàn thì không phải thực hiện bố trí trực ca.

8. Tàu thuyền có thời gian neo chờ không làm hàng hoặc đón trả khách, không hoạt động dịch vụ từ 30 ngày trở lên phải lập phương án an toàn neo chờ của tàu thuyền gửi Cảng vụ hàng hải phê duyệt.

9. Phương tiện thủy nội địa chỉ được neo đậu, tập kết tại các khu neo quy định và không gây cản trở đến việc hành trình của các tàu thuyền.

Điều 12. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền

1. Trừ tàu công vụ, tàu hoa tiêu đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp, cấm tàu thuyền cập mạn tàu thuyền khác khi chưa được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.

2. Việc cập mạn tàu thuyền trong Cảng biển Đồng Nai thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 115, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP), Thông tư hướng dẫn và các yêu cầu sau đây:

a) Tàu thuyền cập mạn để cấp nhiên liệu, chuyển tải xăng dầu hay các loại hàng nguy hiểm khác chỉ được phép cập hàng một.

b) Tàu thuyền cập mạn nhau phải có sự thỏa thuận của các thuyền trưởng và áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn khi cập mạn.

c) Đối với Bến cảng Long Thành và cầu cảng số 2 thuộc Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu A) các tàu thuyền chỉ được phép cập mạn hàng một.

d) Đối với cầu cảng số 3, đoạn cầu cảng liên kết cầu cảng số 2 và cầu cảng số 3 thuộc Phân cảng Long Bình Tân và cảng Bình Dương, các phương tiện vận chuyển container chỉ được cập mạn hàng một.

3. Tàu thuyền vào cầu cảng số 3 - Phân cảng Long Bình Tân, cảng Bình Dương có mớn nước từ 5,5 mét trở lên (*nếu không sử dụng tàu lai*), chỉ được cập cảng khi nước đứng hoặc nước ròng.

4. Hoạt động cập mạn, cập cầu và neo đậu tại bến cảng của tàu thuyền tuân thủ theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cảng biển, Tiêu chuẩn cơ sở: “*Quy trình khai thác kỹ thuật công trình Cảng biển và khu nước*” liên quan được cơ quan thẩm quyền công bố.

Điều 13. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

Thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, Điều 1 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP và khoản 39, 40 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP*) và các yêu cầu sau:

a) Trước khi khởi hành, thuyền trưởng tàu vận chuyển hành khách có trách nhiệm phân công, chỉ đạo nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

b) Hằng năm, chủ tàu vận chuyển hành khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

c) Các đèn trang trí (*nếu có*) trên tàu nhà hàng - du lịch, tàu chở khách phải được thiết kế và sử dụng sao cho không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tính năng, tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa đối với các báo hiệu hàng hải hoặc bất kỳ đèn hiệu, dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

2. Hoạt động của du thuyền

Hoạt động của du thuyền, thuyền viên làm việc trên du thuyền và bến neo đậu du thuyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 14. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước Cảng biển Đồng Nai

1. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thi công công trình trong vùng nước Cảng biển Đồng Nai, chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Đối với hoạt động nạo vét: lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Đối với hoạt động thi công công trình tại Cảng biển Đồng Nai: lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP*).

2. Tàu thuyền trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, thi công công trình tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện thủ tục xin phép hoạt động và được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Trong quá trình tiến hành hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thi công công trình tại Cảng biển Đồng Nai: chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân và tàu thuyền liên quan phải chấp hành Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được Cảng vụ hàng hải phê duyệt và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 15. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện theo quy định tại Chương XI, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định có liên quan khác của pháp luật.

Điều 16. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

Tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 17. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải bảo đảm tiêu chuẩn, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang bị các thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 18. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Điều 104, 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng VHF cho Cảng vụ hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS (*nếu thuộc vùng VTS*) biết những nội dung sau:

a) Thời điểm lên tàu, thời điểm bắt đầu và kết thúc thực hiện việc dẫn tàu ngay sau khi lên tàu và ngay trước khi chuẩn bị rời tàu.

b) Tình hình dẫn tàu, những thay đổi có tính chất nguy hiểm, ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Cảng biển Đồng Nai và những tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra với tàu do mình dẫn hoặc phát hiện được trong quá trình dẫn tàu.

c) Trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và chậm nhất 24 giờ sau khi trở lại bờ phải gửi báo cáo bằng văn bản về sự việc xảy ra cho Cảng vụ hàng hải. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu, tên tàu, diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã được tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (*nếu có*).

d) Khi có nhiều tàu cùng tiếp cận vùng đón trả hoa tiêu, hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm liên lạc, trao đổi thông tin với nhau và với Trung tâm điều hành hệ thống VTS để kịp thời có chỉ dẫn, khuyến cáo phù hợp.

e) Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải về việc tự dẫn tàu và xuất trình các giấy tờ chứng minh theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải.

Điều 20. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

a) Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (*đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ*) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng.

Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, công nhân buộc còi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

**LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN
ĐỒNG NAI**

Điều 21. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ

1. Trong điều kiện hành hải bình thường, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có chiều dài lớn nhất (LOA) từ 80 mét trở lên khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, bến phao hoặc quay trở, di chuyển vị trí neo đậu trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, bến phao phải sử dụng tàu lai hỗ trợ.

2. Chiều dài quy định áp dụng lai dắt hỗ trợ:

a) Đối với đoàn lai: Chiều dài quy định là tổng chiều dài đoàn lai (*đo từ điểm xa nhất phía mũi đến điểm xa nhất phía lái của đoàn lai*), tính bằng mét.

b) Đối với mọi tàu thuyền: Chiều dài quy định là chiều dài lớn nhất của tàu thuyền (L.O.A), tính bằng mét.

3. Tiêu chí, số lượng, công suất tàu lai hỗ trợ theo quy định sau:

a) Về tiêu chí: Bảo đảm tổng công suất tàu lai (*tính theo sức ngựa, viết tắt là HP*) đạt từ 10% trọng tải toàn phần tàu thuyền được lai trở lên.

b) Yêu cầu công suất, số lượng tàu lai với tàu thuyền được lai quy định chi tiết theo Phụ lục 5 đính kèm Nội quy cảng biển này.

4. Các trường hợp có tính chất đặc thù:

a) Tàu thuyền vào, rời cảng Gò Dầu A2, cảng Long Bình Tân, cảng Bình Dương áp dụng như sau:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất (LOA) từ 80m đến dưới 95m, sử dụng 01 tàu lai với công suất tối thiểu 500HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất (LOA) từ 95m đến dưới 120m, sử dụng 02 tàu lai với công suất tối thiểu là 500HP mỗi tàu.

b) Trường hợp sử dụng lai dất hỗ trợ đối với tàu chở dầu, hóa chất độc, tiêu chí, công suất tàu lai áp dụng bằng 1,2 lần so với quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Quy định về tàu lai phục vụ việc thực hiện phương án trong các trường hợp lai kéo khẩn cấp, xây dựng, thi công các công trình giao cắt với vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc xây dựng, thi công các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải như cầu đường bộ vượt sông, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, yêu cầu sử dụng tàu lai công suất như sau:

a) Đối với trường hợp lai kéo khẩn cấp: Tổng công suất tàu lai đạt từ 10% trọng tải đối tượng được lai trở lên.

b) Đối với các trường hợp còn lại tại khoản 4 Điều này:

- Trên sông Đồng Nai: Tàu lai có công suất tối thiểu 500 HP.

- Trên sông Thị Vải đoạn do Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai quản lý: Yêu cầu tổng công suất tàu lai phục vụ đạt từ 10% trọng tải tàu thuyền lớn nhất qua khu vực trở lên, trong đó có 01 tàu lai có công suất tối thiểu 2000 HP.

- Các khu vực khác, yêu cầu tổng công suất tàu lai phục vụ đạt từ 10% trọng tải tàu thuyền lớn nhất qua khu vực đó trở lên.

6. Quy định việc sử dụng tàu lai dất hỗ trợ (nếu có) đối với các cảng tiếp nhận tàu khách, tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố sẽ thực hiện theo yêu cầu tại các Quyết định phê duyệt phương án của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tàu thuyền di chuyển dọc 01 cầu cảng bằng tời kéo dây của tàu không phải sử dụng tàu lai dất. Trường hợp xét thấy cần thiết, các tàu thuyền này và tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 mét cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

8. Trong điều kiện hành hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quy định cụ thể số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền khi điều động rời, cập cầu, bến phao trên cơ sở tham khảo ý kiến của thuyền trưởng và tổ chức hoa tiêu hàng hải liên quan.

Điều 22. Miễn, giảm tàu lai dất hỗ trợ

Trong điều kiện hành hải bình thường, tàu thuyền có trang bị thiết bị hỗ trợ điều động (chân vịt mũi, chân vịt hông hoặc các thiết bị hỗ trợ điều động phù hợp khác), căn cứ vào công suất thiết bị hỗ trợ điều động của tàu, đề nghị bằng văn bản của thuyền trưởng và khuyến nghị của tổ chức hoa tiêu, Giám đốc Cảng vụ hàng hải sẽ xem xét, miễn hoặc giảm số lượng, công suất tàu lai theo quy định tại Điều 21.

Điều 23. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải biết việc cung cấp tàu lai chậm trễ hoặc không đủ số lượng, công suất, loại tàu lai hỗ trợ theo quy định.
2. Trước khi đến vị trí thỏa thuận sử dụng dịch vụ lai dắt, thuyền trưởng tàu lai và thuyền trưởng tàu được lai phải trao đổi, thống nhất phương pháp lai hỗ trợ; vị trí để buộc dây lai hoặc vị trí lai đẩy, nếu tàu được lai có những vị trí đặc biệt để sử dụng cho việc tàu lai đẩy thì phải thông báo cho thuyền trưởng tàu lai biết.
3. Trường hợp tàu được lai có hoa tiêu dẫn tàu ở trên tàu, thuyền trưởng có thể trao đổi, ủy quyền cho hoa tiêu liên lạc với thuyền trưởng tàu lai. Hoa tiêu được bố trí dẫn đoàn lai phải có hạng phù hợp với chiều dài đoàn lai bao gồm cả chiều dài dây lai.
4. Thuyền trưởng tàu lai, tàu được lai phải chuẩn bị dây lai đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; dây mối phải chuẩn bị sẵn sàng để sử dụng trong trường hợp đưa dây lai không thành công.

Mục 6

AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 24. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải

Tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai thuộc quản lý Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 106, 108, 109, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Việc neo đậu, cập cầu, cập mạn của tàu thuyền tại Cảng biển Đồng Nai phải bảo đảm an toàn theo quy định.
2. Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.
3. Khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai, tàu thuyền phải lưu ý đến chiều cao tĩnh không của các công trình qua sông hoặc vị trí cắm thả neo, rê neo theo Thông báo hàng hải. Trong mọi trường hợp, nghiêm cấm tàu thuyền hành trình phía dưới công trình qua sông, nếu tàu có chiều cao tĩnh không vượt quá giới hạn cho phép của công trình.

Điều 25. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Ngoài việc thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP*), các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ hàng hải phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được phê duyệt hoặc trình Cảng vụ hàng hải xem xét, phê duyệt phương án đối với các trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai kéo có chiều dài đoàn lai vượt quá 120 mét khi đi qua cầu Long Thành, cầu Nhơn Trạch; các khu vực khác vượt quá 200 mét.
2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn dầu, diễn tập an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải tại khu vực.
3. Khi tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu thuyền bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.
4. Khi tiến hành hạ thủy tàu thuyền từ các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền.
5. Trường hợp sử dụng cầu nổi (*thiết bị chuyên dụng lắp trên phương tiện thủy*) dùng để xếp dỡ hàng hóa tại bến cảng, bến phao hoặc chuyển tải giữa tàu thuyền này sang tàu thuyền khác.

Điều 26. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai thuộc quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai ngoài tuân thủ theo Điều 107, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP*) và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan thì phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo quy định và các yêu cầu sau đây:

1. Chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.
2. Nghiêm cấm hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong quá trình sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như EPIRB, MF/HF, VHF..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

Điều 27. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải tại Cảng biển Đồng Nai, thuyền trưởng, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, tàu thuyền và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.
2. Thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS, đồng thời phải tiến hành ngay các biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình.
3. Thực hiện việc báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải theo quy định hiện hành.
4. Trường hợp không thông báo cho Cảng vụ hàng hải về sự cố, tai nạn hàng hải tại Cảng biển Đồng Nai: tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 28. Phòng, chống cháy, nổ

Các tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh tại các Điều 113 và 114, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 41, 42, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP) thì cần phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy, nổ tại Cảng biển Đồng Nai theo quy định.
2. Tàu thuyền chỉ được tiến hành sửa chữa máy chính hoặc tiến hành các công việc có phát ra tia lửa tại Cảng biển Đồng Nai sau khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận.
3. Tàu thuyền chỉ được tiến hành chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác tại khu chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền quy định và theo chỉ định cụ thể của Giám đốc Cảng vụ hàng hải. Việc chuyển tải xăng dầu quy định tại khoản này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và phòng, chống cháy, nổ theo quy định.
4. Tùy từng trường hợp, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định các điều kiện cần thiết liên quan đến việc chuyển tải các loại hàng hóa nguy hiểm khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Khi xảy ra sự cố cháy nổ trong phạm vi vùng nước cảng, thuyền trưởng và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải biết, phối hợp xử lý.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 29. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Tàu thuyền và doanh nghiệp tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code) và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Cấp độ an ninh tại Cảng biển Đồng Nai được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật tại Trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaidongnai.gov.vn>.

Điều 30. Lao động hàng hải

Tàu biển và doanh nghiệp vận tải biển phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006, Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

Mục 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 31. Bảo vệ môi trường tại Cảng biển Đồng Nai

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Việc chuyển tải dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm độc hại khác chỉ được thực hiện tại vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định, trong điều kiện bảo đảm an toàn và thời tiết phù hợp. Khi thực hiện phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn bơm, chuyển hàng hóa và phải có phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, ứng phó sự cố hóa chất, phòng chống cháy nổ phù hợp thường trực tại vị trí làm hàng.

2. Chất thải thu gom từ các hoạt động phát sinh từ tàu thuyền (*sửa chữa, vệ sinh...*) phải được thu gom, phân loại và tập trung tại các bãi thải hoặc kho chứa phù hợp theo quy chuẩn, có thiết bị che chắn nhằm tránh thẩm thấu, khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước.



3. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Trường hợp bị trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

Điều 32. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

Các tàu thuyền khi neo đậu tại cảng phải thực hiện nghiêm các yêu cầu sau:

- Phải đóng tất cả các lỗ thoát nước trên mặt boong khi nhận, trả hàng hóa là dầu, hóa chất hoặc khi nhận nhiên liệu, khi bơm xử lý chất thải lỏng từ tàu thuyền.
- Van xả thiết bị 15 phần triệu phải được niêm phong.
- Các tàu thuyền từ 100 mét trở lên phải có dây lai kéo khẩn cấp với loại dây phù hợp sẵn sàng ở mạn ngoài.
- Không được xả trực tiếp xuống khu nước cảng nước dẫn tàu hoặc các loại nước thải khác trừ nước làm mát.
- Rác thải, nước thải phải được phân loại, lưu giữ và chuyển lên cảng, cơ sở thu gom theo quy định.

Điều 33. Quản lý nước dẫn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ vệ sinh tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện việc đổ rác, xả nước thải và nước dẫn tàu theo quy định tại Điều 117, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) và các yêu cầu sau đây:

1. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được đựng trong thùng chứa chuyên dụng để thu gom. Việc thu gom phải được tiến hành hằng ngày đối với tàu khách, 02 ngày/lần đối với tàu hàng, trừ trường hợp có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng trên tàu và 04 ngày/lần đối với các phương tiện thủy nội địa hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai.

2. Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ hoặc tàu chuyên dùng theo quy định.

3. Tàu thuyền có nhu cầu thanh thải, tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển nước lẫn dầu, cặn dầu, nước dẫn tàu, chất thải rắn hoặc các loại chất thải nguy hại khác phải khai báo thông tin về chủng loại, khối lượng, phương thức tiếp nhận, thời gian thực hiện tại Bản khai chung gửi Cảng vụ hàng hải khi tàu đến cảng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo.

4. Các hoạt động liên quan đến quản lý, tiếp nhận, trao đổi, thanh thải nước dằn tàu từ tàu thuyền tại Cảng biển Đồng Nai thực hiện theo quy định.

Điều 34. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Các tàu thuyền khi hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai ngoài việc thực hiện nghiêm chỉnh tại các Điều: 116, 118, 119, Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP thì cần phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ hàng hải và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được phân loại và đựng trong thùng chứa chuyên dụng để thu gom. Trường hợp có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng trên tàu thì phải áp dụng theo công ước và có ghi nhật ký.

3. Các doanh nghiệp cảng có trách nhiệm cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác khi tàu thuyền hoạt động tại bến cảng. Trong trường hợp không thực hiện phải có danh sách các đơn vị thu gom rác.

4. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

5. Các cơ sở, doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền (nếu hoạt động) có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ (sau khi gửi các cơ quan có thẩm quyền).

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 35. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại Cảng biển Đồng Nai phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Bố trí hoa tiêu dẫn tàu theo kế hoạch điều động tàu do Cảng vụ hàng hải lập.

2. Thông báo kịp thời cho hoa tiêu được phân công dẫn tàu về kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải cung cấp và những thay đổi nếu có.

3. Cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 67, Điều 113, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28, 41, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP*), Điều 18 Thông tư số 20/2026/TT-BXD, các quy định có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Trước khi tiến hành xây dựng, nâng cấp bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải, khu nước, vùng nước, chủ đầu tư gửi Cảng vụ hàng hải bản sao chụp các giấy tờ sau: Quyết định đầu tư xây dựng công trình; Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; Hồ sơ thiết kế và các tài liệu quy định liên quan khác để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao hoặc khu nước, vùng nước, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Cảng vụ hàng hải các giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và hồ sơ hoàn công (*bao gồm tập bản vẽ*) để tổ chức quản lý theo quy định.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, thông báo đến Cảng vụ hàng hải về điều kiện khai thác cảng (*thông số kỹ thuật cầu cảng, các yêu cầu hạn chế khác*) và công bố cho chủ tàu, các bên liên quan biết.

4. Thông báo cho thuyền trưởng, đại lý tàu về thông số kỹ thuật của cầu cảng và các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình cập, rời cầu ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu thuyền vào bến cảng, bến phao.

5. Trong thời gian điều động tàu cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cầu bờ không được đưa ra khu nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu phải đưa ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ hàng hải chấp thuận; đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

6. Đối với các tàu phải áp dụng thêm các biện pháp hỗ trợ theo phương án đảm bảo an toàn khi ra, vào cầu cảng, bến phao, doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thông báo cho thuyền trưởng, đại lý các biện pháp hỗ trợ bổ sung ngay khi đồng ý tiếp nhận tàu.

7. Bố trí công nhân buộc, cởi dây và xếp dỡ hàng hóa đã qua đào tạo, có chứng chỉ chuyên môn và được trang bị bảo hộ lao động phù hợp. Tổ trưởng trực tiếp phụ trách các công nhân buộc, cởi dây tại cầu cảng phải được trang bị VHF cầm tay để bảo đảm việc liên lạc, trao đổi với thuyền trưởng tàu thuyền liên quan và phải được thông báo rõ về kế hoạch, cách thức buộc, cởi dây để chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu vào hoặc rời bến cảng.

8. Thực hiện lập, phê duyệt và thực hiện bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo trì công trình hàng hải và các quy định có liên quan khác.

9. Tổ chức tiếp nhận hoặc niêm yết các doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận nước lẫn dầu, cặn dầu, nước dẫn tàu, chất thải rắn hoặc các loại chất thải nguy hại khác tại khu vực mình quản lý, khai thác.

10. Tùy từng loại cảng, công năng cảng mình khai thác, doanh nghiệp cảng phải có kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất theo quy định hiện hành.

11. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

12. Có trách nhiệm kê khai, công bố và niêm yết giá theo quy định.

13. Khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp vào khu vực, doanh nghiệp cảng, bến phao phải:

a) Tổ chức lực lượng thường trực 24h/24h. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ tàu thuyền, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở...

b) Thông báo thông tin về diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và yêu cầu tàu thuyền neo đậu tại cảng chủ động tìm vị trí neo đậu, trú ẩn an toàn.

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Nội quy cảng biển và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ hàng hải.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ hàng hải và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo về an toàn đối với thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu thuyền trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu thuyền và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Trước khi thực hiện hoạt động tại Cảng biển Đồng Nai, doanh nghiệp cung cấp hồ sơ năng lực, nhân sự và các chứng chỉ liên quan. Khi có thay đổi về nhân sự, doanh nghiệp phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước tại Cảng biển Đồng Nai.

5. Thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải và các cơ quan chức năng.

6. Thực hiện các khai báo theo quy trình thủ tục điện tử theo quy định.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

1. Thực hiện theo các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển và các quy định pháp luật liên quan.

2. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển

1. Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 05 của tháng kế tiếp*) báo cáo Cảng vụ hàng hải tình hình hoạt động của các tàu lai hoạt động trong vùng nước cảng biển Đồng Nai thuộc quản lý Cảng vụ hàng hải.

2. Hằng ngày, thông báo, cập nhật về kế hoạch lai dắt hỗ trợ của ngày kế tiếp cho Cảng vụ hàng hải (*Nội dung thông báo gồm: tên tàu lai; công suất; tên và chiều dài tàu thuyền được lai hoặc trọng tải toàn phần nếu tàu thuyền được lai là sà lan không tự hành; vị trí, thời gian dự kiến lai dắt hỗ trợ*). Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung chậm nhất 02 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp hoặc hủy bỏ dịch vụ.

3. Việc cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ tàu rời, cập cầu cảng hoặc quay trở, di chuyển vị trí trong phạm vi vùng nước trước bến cảng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Nội quy cảng biển về công suất, số lượng tàu lai.

4. Thực hiện nghĩa vụ về phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải về việc cung cấp tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất theo quy định.

5. Có trách nhiệm kê khai, niêm yết giá theo quy định.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền tại Cảng biển Đồng Nai

Doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền tại Cảng biển Đồng Nai thuộc quản lý của Cảng vụ hàng hải ngoài việc thực hiện theo quy định về thu gom chất thải từ tàu thuyền và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm*) thực hiện tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng và danh sách bến phao, bến cảng, khu neo được cung ứng dịch vụ.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải

1. Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP*) và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước có trách nhiệm:

a) Bảo đảm các báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố.

b) Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch phải tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

c) Kịp thời thông báo cho Cảng vụ hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng, báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch.

- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch các báo hiệu hàng hải.

- Các thông tin cần thiết khác.

d) Cung cấp cho Cảng vụ hàng hải bình đồ đo sâu thể hiện kết quả khảo sát, đo đặc độ sâu luồng, thủy diện cảng, vùng neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải do đơn vị mình tổ chức thực hiện.

đ) Tổ chức thực hiện bảo vệ công trình hàng hải, bảo trì công trình hàng hải theo quy định.

e) Hằng quý, khi gửi báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định tại Điều 42, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP*), sao chụp gửi Cảng vụ hàng hải 01 bản để kiểm tra hoạt động của báo hiệu.

Mục 10**CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI****Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai**

1. Triển khai thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý hoạt động hàng hải giữa Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, điều phối hoạt động tàu thuyền trên các hệ thống phân luồng hàng hải.

Điều 43. Phối hợp giữa Cảng vụ hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy chế phối hợp đã ký giữa Cảng vụ hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước khác tại Cảng biển Đồng Nai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Mục 11**CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC****Điều 44. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự**

Thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 45. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế quốc tế, Kiểm dịch thực vật, Kiểm dịch động vật biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

2. Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng, cách ly giám sát dịch bệnh hoặc các hoạt động kiểm dịch khác tại các vị trí do Cảng vụ hàng hải chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trước và trong khi tiến hành phải trưng đèn hoặc treo cờ, dấu hiệu cảnh báo theo quy định, đồng thời phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực của tàu thuyền neo đậu.

Số: 02 /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

1. Khu vực trên sông Thị Vải, sông Gò Gia với phạm vi như sau:

a) Ranh giới trên sông Gò Gia: được giới hạn từ ngã ba sông Gò Gia, sông Ba Giỏi, Tắc Cua chạy dọc theo sông Gò Gia về phía thượng lưu đến khu bến Phước An dài 7,5 km được giới hạn bởi đường vĩ tuyến (VT1) 10°35'00"N (phía hạ lưu) và đường vĩ tuyến (VT2) 10°38'20,97"N (phía thượng lưu).

b) Ranh giới trên sông Thị Vải: được giới hạn từ điểm HD1 có tọa độ 10°36'42,70"N, 107°00'18,18"E tại rạch Ông Cò nổi vuông góc với biên trái luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải và chạy dọc theo biên trái luồng Vũng Tàu - Thị Vải đến đường vĩ tuyến (VT3) 10°38'45"N. Từ đường vĩ tuyến (VT3) 10°38'45"N, vùng nước chạy dọc theo hai bờ sông Thị Vải về phía thượng lưu đến cách hạ lưu cầu Thị Vải 300 m.

VU
HÀ
NA
NG

2. Khu vực trên sông Đồng Tranh, sông Lòng Tàu, sông Nhà Bè với phạm vi: được giới hạn từ điểm HĐ2 có tọa độ $10^{\circ}38'34,07''\text{N}$, $106^{\circ}51'37,77''\text{E}$ tại mép bờ rạch Ông Kèo nối vuông góc với biên phải theo thiết kế của luồng hàng hải Đồng Tranh - Gò Gia, chạy dọc theo biên phải luồng hàng hải Đồng Tranh - Gò Gia và bờ sông thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai về phía thượng lưu, đến giao biên phải luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu, tiếp tục chạy dọc theo biên phải luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu đến đường thẳng cách Bến cảng Xăng dầu 186 một đoạn 200 m (về phía thượng lưu), ranh giới tiếp tục từ điểm HĐ5 có tọa độ $10^{\circ}41'48,08''\text{N}$, $106^{\circ}45'30,94''\text{E}$ chạy dọc theo hướng thượng lưu đến điểm HĐ6 có tọa độ $10^{\circ}42'09,37''\text{N}$, $106^{\circ}45'13,37''\text{E}$ sau đó nối vuông góc với tuyến mép bờ sông.

3. Khu vực trên sông Đồng Nai với phạm vi: được giới hạn bởi đường thẳng nối liền điểm nhô ra xa nhất của tấc Thầy Bảy thuộc Cù lao Ông Cò và điểm nhô ra xa nhất của phường Long Trường chạy dọc theo hai bờ sông Đồng Nai về phía thượng lưu đến đường ranh hành lang an toàn cầu Đồng Nai (trừ khu nước trước Bến cảng Bình Dương thuộc vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn bởi 04 điểm HĐ7, HĐ8, HĐ9, HĐ10 có tọa độ sau đây: HĐ7: $10^{\circ}53'58,10''\text{N}$, $106^{\circ}50'14,40''\text{E}$; HĐ8: $10^{\circ}54'03,40''\text{N}$, $106^{\circ}50'13,30''\text{E}$; HĐ9: $10^{\circ}54'04,50''\text{N}$, $106^{\circ}50'14,00''\text{E}$; HĐ10: $10^{\circ}53'56,90''\text{N}$, $106^{\circ}50'16,30''\text{E}$).

4. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN4TV002, VN4ĐT004, VN4SG003, VN4ĐN001 được cập nhật mới nhất năm 2025. Các đường vĩ tuyến, tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai

1. Khu vực hàng hải số 1: bao gồm khu vực trên sông Thị Vải, sông Gò Gia.

2. Khu vực hàng hải số 2: bao gồm khu vực trên sông Đồng Tranh, sông Lòng Tàu, sông Nhà Bè; khu vực trên sông Đồng Nai và khu vực trước Bến cảng Bình Dương trên sông Đồng Nai thuộc vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai, khu vực trước Bến cảng Bình Dương trên sông Đồng Nai thuộc vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực hàng hải được quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2019/TT-BGTVT ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai.

3. Bãi bỏ số thứ tự 18 tại Phụ lục Danh mục hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CHHĐTVN (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang





Phụ lục
BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02 /2026/TT-BXD ngày 08 tháng 01 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HĐ1	10°36'42,70"N	107°00'18,18"E	10°36'38,40"N	107°00'24,60"E
HĐ2	10°38'34,07"N	106°51'37,77"E	10°38'30,40"N	106°51'44,20"E
VT1	10°35'00"N		10°35'03,67"N	
VT2	10°38'20,97"N		10°38'17,30"N	
VT3	10°38'45"N		10°38'42"N	
HĐ5	10°41'48,08"N	106°45'30,94"E	10°41'44,41"N	106°45'37,36"E
HĐ6	10°42'09,37"N	106°45'13,37"E	10°42'05,71"N	106°45'19,80"E
HĐ7	10°53'58,10"N	106°50'14,40"E	10°53'54,50"N	106°50'20,80"E
HĐ8	10°54'03,40"N	106°50'13,30"E	10°53'59,70"N	106°50'19,80"E
HĐ9	10°54'04,50"N	106°50'14,00"E	10°54'00,80"N	106°50'20,50"E
HĐ10	10°53'56,90"N	106°50'16,30"E	10°53'53,20"N	106°50'22,70"E



Phụ lục 3

THÔNG TIN VỀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG BIỂN

(Đính kèm Nội quy Cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)

1. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 157, Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.37719125; 028.37719126.
- Fax: 028.39404828.
- Email: cangvuhhtphcm@cangvuhanghaitphcm.gov.vn.

2. Chi cục Hải quan khu vực XVIII

- Địa chỉ: Số 9A, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3895710; 0251.3895734.
- Fax: 0251.3895711.

3. Chi cục Hải quan khu vực II

- Địa chỉ: số 02, đường Hàm Nghi, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0283.933.0927.
- Fax: 0283.933.0642.
- Email: hqkv2@custom.gov.vn.

4. Hải quan cửa khẩu cảng Đồng Nai

- Địa chỉ: KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513.841.195.

5. Hải quan cửa khẩu cảng Nhơn Trạch

- Địa chỉ: 319B Đường Trần Phú, KCN Nhơn Trạch, Thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: 02513.590887.
- Fax: 02513.560888.

6. Hải quan cửa khẩu cảng tổng hợp Bình Dương

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, tổ 5, khu phố Quyết Thắng, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.



- Điện thoại: 0274.374.9472.

- Fax: 0274.374.9473.

7. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Đồng Nai

- Địa chỉ: Hẻm 807, đường Đồng Khởi, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251.3897208.

- Email: dongnaicdc@gmail.com.

8. Biên phòng cửa khẩu cảng Bà Rịa - Vũng Tàu

- Địa chỉ: Số 49, đường 30/4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0254.3838406.

- Fax: 0254.3591519; 0254.3591520.

9. Biên phòng cửa khẩu cảng Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: số 6, đường Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0283.8253736.

10. Sở Xây dựng Thành phố Đồng Nai

- Địa chỉ: 18 Phan Chu Trinh, Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251.3847320.

- Fax: 0251.3942248 – 840768.

- Email: sgtvt@dongnai.gov.vn.

11. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai

- Địa chỉ: 518-520 Đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251.382.2933.

- Fax: (384-0251) 827364.

- Email: stnmt@dongnai.gov.vn.

12. Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Đồng Nai

- Địa chỉ: 161 Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, Thành phố Đồng Nai.

- Điện thoại: 0693.480.204; 0251.382.6889.

13. Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III

- Địa chỉ: 292/37/6 – 8 Bình Lợi, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0283.553.1982.
- Fax: 0283.553.1983.
- Email: cv3.gov.vn@gmail.com.

14. Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực III

- Địa chỉ: số 1151/45 Đường 30/4, phường Phước Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0254.3850.950 (24/24 giờ).
- Fax: 0254.3810.353.





Phụ lục 4

THỦ TỤC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC TẠI CẢNG BIỂN

(Đính kèm Nội quy Cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)

1. Thủ tục phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).

2. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn (lặn phục vụ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng tàu thuyền; lặn trục vớt tàu thuyền, tài sản chìm đắm), hoạt động sửa chữa, hạ xuống cứu sinh hoặc các công việc ngầm dưới nước liên quan đến hoạt động hàng hải, trừ hoạt động lặn vệ sinh phần dưới của tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân khi neo đậu tại cảng, bến dành riêng cho tàu thuyền buồm, tàu thuyền thể thao, tàu thuyền du lịch của cá nhân: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điểm e khoản 2, Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).

3. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan. Đối với dự án nạo vét thủy diện cảng, dự án nạo vét duy tu luồng sử dụng ngân sách nhà nước, dự án nạo vét xã hội hóa, ngoài các quy định tại điều này cần thực hiện theo quy định liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động được pháp luật quy định.

4. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 9 Điều 113, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

5. Thủ tục đăng ký, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành.

6. Thủ tục liên quan đến tiếp nhận, trao đổi nước dẫn tàu: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) liên quan đến tiếp nhận, trao đổi, thanh thải nước dẫn tàu từ tàu thuyền tại cảng biển và quy định khác có liên quan của pháp luật.

7. Thủ tục tàu thuyền đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử, neo chờ: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 98, Mục 4, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

8. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải: Các tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện việc trình kháng nghị hàng hải theo quy định tại các Điều 118, 119, 120, 121 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành.

9. Thủ tục thẩm định - phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành.

10. Thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải).

11. Thủ tục phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa và Thông tư hướng dẫn do Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) ban hành; trường hợp phương tiện thủy rời cảng biển và cảng thủy nội địa hành trình trên tuyến đường thủy liên tỉnh thì do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy phê duyệt.

12. Thủ tục đề nghị công bố thông báo hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại các Điều 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58 Mục 2, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP); trong đó thẩm quyền công bố thông báo hàng hải được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18, Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).

13. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải: Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP và khoản 15 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP); trường hợp báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong vùng nước cảng biển và ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm đồng thời trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải thì do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam phê duyệt.



Phụ lục 5

YÊU CẦU CÔNG SUẤT, SỐ LƯỢNG TÀU LAI VỚI TÀU THUYỀN ĐƯỢC LAI

(Đính kèm Nội quy Cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)



STT	CHIỀU DÀI LỚN NHẤT TÀU (LOA)	QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CÔNG SUẤT TÀU LAI HỖ TRỢ	Ghi chú
1	80m ≤ LOA < 100m	01 tàu lai với công suất tối thiểu 500HP	
2	100m ≤ LOA < 120m	02 tàu lai với công suất tối thiểu 500HP mỗi tàu	
3	120m ≤ LOA < 140m	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 500HP và 1.000HP	
4	140m ≤ LOA < 160m	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.000HP	
5	160m ≤ LOA < 180m	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu theo thứ tự là 1.000HP và 1.500HP Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực Gò Dầu với Mớn nước ≥ 9,4m, sử dụng tàu lai có công suất tối thiểu mỗi tàu lần lượt là 1.200HP và 1.800HP.	
6	180m ≤ LOA < 200m	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 1.500HP Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực Gò Dầu	

		với Mớn nước $\geq 9,4m$, sử dụng tàu lai có công suất tối thiểu mỗi tàu 1.800HP.	
7	$200m \leq LOA < 225m$	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 2.000 HP. Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực cảng Phước An với Mớn nước $\geq 11,7m$, sử dụng ít nhất 01 tàu lai có tính năng điều động cao có công suất trên 2.000HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
8	$225m \leq LOA < 250m$	02 tàu lai với công suất tối thiểu 2.500HP Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực cảng Phước An với Mớn nước $\geq 11,7m$, sử dụng ít nhất 01 tàu lai có tính năng điều động cao có công suất trên 2500HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
9	$250m \leq LOA < 275m$	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 3.000HP. Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực cảng Phước An với Mớn nước $\geq 11,7m$, sử dụng ít nhất 01 tàu lai có tính năng điều động cao có công suất trên 3000HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
10	$275m \leq LOA < 300m$	02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 3.500HP. Trường hợp tàu thuyền vào, rời khu vực cảng Phước An với Mớn nước $\geq 11,7m$, sử dụng ít nhất 01 tàu lai có tính năng điều động cao có công suất trên 3500HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
11	$300m \leq LOA < 325m$	Bổ trí 03 tàu lai, trong đó 01 tàu lai có tính năng điều động cao với công suất tối thiểu 4000HP và 02 tàu lai công suất tối thiểu mỗi tàu 3500HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao

			thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
12	$325\text{m} \leq \text{LOA} < 350\text{m}$	Bố trí 03 tàu lai, trong đó 01 tàu lai với công suất tối thiểu 3.500HP và 02 tàu lai có tính năng điều động cao, công suất tối thiểu mỗi tàu 4.000HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.
13	$\text{LOA} \geq 350\text{m}$	Bố trí 04 tàu lai, trong đó 02 tàu lai với công suất tối thiểu mỗi tàu 4.000HP và 02 tàu lai có tính năng điều động cao, công suất tối thiểu mỗi tàu 4.500HP.	- Tàu lai có tính năng điều động cao gồm: tàu lai Azimuth stern drive tug, Tractor tug, Voith Schneider Propeller.... - Trường hợp không có tàu lai có tính năng điều động cao thì áp dụng tàu lai thông thường có công suất bằng 1,5 lần công suất của tàu lai có tính năng điều động cao.



Phụ lục 6

DANH MỤC CĂN CỨ PHÁP LÝ TRONG NỘI QUY CẢNG BIỂN

(Đính kèm Nội quy Cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai)

STT	Nội dung thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu dẫn tàu khi đang hành trình trong khu vực giám sát của hệ thống VTS.	Điều 63 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
02	Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển.	Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Mục 1, Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26, 27, 28, 29, 30, Điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP), Mục 1 và Mục 2 chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Chương II Thông tư số 20/2026/TT-BXD.
03	Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải.	Điều 106, 108, 109, Mục 1, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
04	Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu.	Điều 65, Mục 1, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
05	Yêu cầu về bảo vệ môi trường tại cảng biển.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ; Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Thông tư 41/2017/TT-BGTVT.
06	Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.	Các Điều 116, 118, 119, Mục 2, Chương V, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
07	Yêu cầu về phối hợp tìm kiếm, cứu nạn.	Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.
08	Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.	Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản

		29, Điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP), và Điều 115, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
09	Hoạt động cập mạn, cập cầu và neo đậu tại bến cảng của tàu thuyền.	Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ; Thông tư 08/2021/TT-BGTVT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển; Quyết định số 356/QĐ-CHHVN về công bố Tiêu chuẩn cơ sở: “Quy trình khai thác kỹ thuật công trình cảng biển và khu nước”.
10	Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách.	Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 40, Điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP).
11	Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự.	Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
12	Đổ rác, xả nước thải và nước dẫn tàu.	Điều 117, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Thông tư 41/2017/TT-BGTVT.
13	Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải.	Chương XI, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015; Mục 6 Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
14	Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.	Chương XI Bộ luật hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
15	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải.	Điều 251 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
16	Trách nhiệm của tổ chức hoa tiêu về việc lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày.	Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
17	Trường hợp hoa tiêu được phép tự dẫn tàu.	Khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
18	Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao.	Điều 67, Điều 113, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28, 41, Điều 1, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).

19	Trách nhiệm của chủ đầu tư sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng hoặc khu nước, vùng nước.	Khoản 3 Điều 14 và Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
20	Quy định về bảo trì công trình hàng hải, báo cáo thực hiện bảo trì công trình hàng hải.	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Thông tư số 05/2026/TT-BXD.
21	Quy định về bảo vệ công trình hàng hải.	Nghị định số 143/2017/NĐ-CP.
22	Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển.	Nghị định số 160/2016/NĐ-CP; Nghị định số 147/2018/NĐ-CP.
23	Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và công bố thông báo hàng hải.	Chương II và Chương III, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định số 74/2023/NĐ-CP; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).
24	Trách nhiệm phối hợp giữa Cảng vụ hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác.	Khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
25	Thủ tục phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải.	Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4, Điều 1, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).
26	Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn (lặn phục vụ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng tàu thuyền; lặn trực vớt tàu thuyền, tài sản chìm đắm), hoạt động sửa chữa, hạ xuống cứu sinh hoặc các công việc ngầm dưới nước.	Điểm e khoản 2 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26, Điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP).
27	Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cầu nổi và các thiết bị công trình khác.	Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
28	Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác.	Khoản 9 Điều 113 Mục 1 Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
29	Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì	Khoản 2 Điều 118 Mục 2 Chương V

	tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền.	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
30	Thủ tục tàu thuyền đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử, neo chờ.	Điều 66, Điều 98, Mục 4, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
31	Thủ tục trình kháng nghị hàng hải.	Điều 118, 119, 120, 121 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015; Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT.
32	Thủ tục thẩm định - phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển.	Điều 7, Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT).
33	Thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm.	Điều 13 Nghị định số 05/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP và Nghị định số 14/2026/NĐ-CP).
34	Thủ tục công bố thông báo hàng hải.	Các Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Mục 2, Chương III, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, Điều 1, Nghị định 34/2025/NĐ-CP).
35	Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải.	Điều 40, Mục 2, Chương III, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP và khoản 15 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP).